



Thực trạng quản lý hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Nam Đông, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Ngô Thị Hạnh

Trường Mầm non Thượng Long, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 22/10/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 12/11/2023

Ngày nhận đăng: 18/11/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Tai nạn thương tích;

Phòng;

Tránh;

Trường mầm non.

TÓM TẮT

Trong bối cảnh đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non ngày càng được xã hội quan tâm, việc quản lý hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng quản lý hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo tại các trường mầm non huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương pháp nghiên cứu được sử dụng là khảo sát bằng bảng hỏi đối với 15 cán bộ quản lý và 139 giáo viên, nhân viên. Kết quả cho thấy công tác quản lý đã được triển khai tại các trường nhưng hiệu quả chưa cao, còn nhiều hạn chế trong triển khai mục tiêu, nội dung, hình thức tổ chức và sự phối hợp giữa các lực lượng.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích (TNTT) ở trẻ em là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong và di chứng tàn tật suốt đời cho trẻ. Mặc dù nhiều biện pháp phòng chống TNTT cho trẻ em đã và đang được thực hiện, nhưng tình hình trẻ nhập viện vì TNTT vẫn chưa giảm. Phần lớn các trường hợp TNTT trẻ em xảy ra là do sự bất cẩn của người lớn. Bởi vậy, hạn chế tối đa TNTT cho trẻ trước hết cần sự quan tâm, chăm sóc của các bậc phụ huynh. Theo một báo cáo mới của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), châu Phi chiếm tỉ lệ cao nhất về tử vong do thương tích không chủ ý. Báo cáo cho thấy, tỉ lệ này ở châu Phi cao gấp 10 lần so với các quốc gia có thu nhập cao tại châu Âu và Tây Thái Bình Dương như Úc, Hà Lan, New Zealand, Thụy Điển và Vương quốc Anh - là những nước có tỉ lệ thương tích trẻ em thấp nhất. Vấn đề này đặt ra đối với châu Phi trong việc xây dựng trường học an toàn phòng tránh TNTT cho trẻ (UNICEF, 2009).

Thụy Điển là nước đầu tiên công nhận tầm quan trọng của thương tích như một mối đe dọa đối với sức khỏe trẻ em và giải quyết vấn đề này bằng một phương pháp điều phối. Vào những năm 1950, Thụy Điển có tỉ lệ tử vong do thương tích ở trẻ em cao hơn so với Mỹ. Vì vậy, từ cuối thập kỉ 80, quốc gia này có tỉ lệ tử vong do thương tích ở trẻ em thấp nhất thế giới. Để chống TNTT, quốc gia này đã thực hiện các quy định và pháp chế cho môi trường an toàn hơn cho trẻ em và thực hiện chiến dịch giáo dục an toàn rộng khắp cùng với sự hợp tác của các cơ quan khác nhau, mặt khác, Chính phủ cam kết về các vấn đề an toàn. Như vậy, ý thức trách nhiệm hợp tác ở Thụy Điển đã giúp nhiều trong việc bảo vệ sự an toàn của trẻ em (Nguyễn, 2006).

Nhìn chung phòng, tránh TNTT là vấn đề đang được nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm, là vấn đề chung của toàn cầu, không của riêng quốc gia nào. Để tìm hiểu thực trạng, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng, tránh TNTT đã có nhiều nhà nghiên cứu tìm hiểu về vấn đề này. Theo “Báo cáo thế giới về phòng, tránh TNTT trẻ em” của nhóm tác giả Margie Peden (2008), Tổng giám đốc Tổ chức Y tế thế, thương tích giao thông đường bộ là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong cao trong số trẻ độ tuổi 15 - 19 và là nguyên nhân thứ hai trong số các thanh thiếu niên 10 - 14 tuổi. Các nhà nghiên cứu cũng khẳng định: “Gánh nặng thương tích ở trẻ em là bất bình đẳng”. Trẻ em ở các quốc gia nghèo, kém phát triển dễ bị tổn thương nhất. Mặc dù tỷ lệ tử vong do

Tác giả liên hệ: Ngô Thị Hạnh;

Địa chỉ e-mail: ngothi.hanhmmtl@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.176.2025>

thương tích ở trẻ em thấp hơn rất nhiều tại các quốc gia phát triển, nhưng thương tích vẫn là nguyên nhân chính của tử vong. Trong báo cáo, các tác giả ngoài việc đưa ra “bức tranh” tổng thể về TNTT để mọi người thấy được tầm quan trọng của việc phòng tránh TNTT cho trẻ em, còn đi sâu tìm hiểu về các loại thương tích chủ yếu như TNTT giao thông, đuối nước, bỏng, ngã. Tác giả Đào Thị Minh Tâm (2014) với bài viết về “Một số biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống TNTT cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non” đăng tải tại Tạp chí khoa học Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu ra một số lý do làm mất an toàn dẫn đến TNTT cho trẻ mầm non và các biện pháp giúp đảm bảo an toàn cho trẻ trong thời gian trẻ hoạt động tại trường mầm non.

Trong thực tế, thời gian qua các trường mầm non tại huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã triển khai các hoạt động nhằm giúp trẻ mẫu giáo giảm thiểu các TNTT, đặc biệt là đối với trẻ em là người dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, nhiều trường mầm non còn gặp khó khăn về điều kiện cơ sở vật chất chưa đảm bảo được yếu tố an toàn, điều kiện tự nhiên thường xuyên bị bão lũ, lở đất, nhiều giáo viên (GV) chưa được tập huấn về kỹ năng phòng, tránh TNTT, nhận thức của cha mẹ trẻ, đặc biệt là cha mẹ trẻ là người đồng bào còn hạn chế, ít quan tâm đến an toàn của trẻ, trẻ trong lứa tuổi nhỏ, hiếu động và thiếu kỹ năng phòng, tránh TNTT.

Chính vì vậy, triển khai nghiên cứu này là hướng đến giúp các trường mầm non có được các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý trong tổ chức các hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- Khách thể nghiên cứu:

Nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến của 15 cán bộ quản lý (CBQL) và 139 GV và nhân viên (NV) của 6 trường mầm non trên địa bàn huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi nhằm tìm hiểu thực trạng quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang Likert 5 bậc, tương ứng với 5 mức độ, từ 1 đến 5: Từ 1.0 đến 1.8: Hoàn toàn không thường xuyên/ Rất yếu; Từ 1.81 đến 2.6: Không thường xuyên / Yếu. Từ 2.61 đến 3.4: Tương đối thường xuyên / Trung bình. Từ 3.41 đến 4.2: Thường xuyên / Khá tốt; 5.0: Rất thường xuyên/ Rất tốt. Dữ liệu thu thập được sử dụng để tính điểm trung bình, độ lệch chuẩn của mỗi nội dung.

Ngoài ra, chúng tôi còn sử dụng phương pháp quan sát và phỏng vấn nhằm thu thập thêm thông tin và có thể kiểm tra phần nào độ tin cậy của thông tin, dữ liệu thu được trong phương pháp điều tra. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học với phần mềm SPSS 18.00 nhằm xử lý, thống kê các thông tin, dữ liệu thu được từ các phương pháp nghiên cứu trên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Các khái niệm cơ bản

- TNTT: Margie Peden và các cộng sự (2008) chỉ ra rằng: Thương tích là sự “tổn hại về thể chất xảy ra khi cơ thể con người bất ngờ phải chịu một lực (cơ, nhiệt, hóa học hoặc bức xạ) quá ngưỡng chịu đựng về sinh lý - nếu không thì là hậu quả của tình trạng thiếu một trong những yếu tố sống còn như oxy”. Rahul Bhamkar, Bageshree Seth và Maninder Singh Setia (2016) cho rằng “Thương tích là một tổn thương của cơ thể do một tác nhân bên ngoài gây ra, có thể là có chủ định hoặc không chủ định, là kết quả một sự tiếp xúc đột ngột với năng lượng được tạo ra do tương tác giữa tác nhân với chủ thể dẫn đến tổn thương ở mô, khi nó vượt quá ngưỡng chịu đựng sinh lý của cơ thể”.

- Phòng tránh TNTT chính là suy nghĩ, lo liệu nhằm chủ động thực hiện các hành động ngăn ngừa, ứng phó để không xảy ra TNTT hoặc giảm thiểu tối đa tác động của tai nạn gây ra đối với bản thân và mọi người. Ví dụ, để phòng tránh TNTT khi tiếp xúc với dao, trẻ sẽ chủ động thực hiện hành động tránh xa những nơi có dao, không sờ tay vào dao; trong tình huống cần phải sử dụng dao, trẻ chủ động xin phép người lớn và thực hiện đúng các thao tác cầm dao để không bị dao đâm, cắt vào tay gây xước da, chảy máu.

- Quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non là tác động có mục đích, có kế hoạch của của bộ quản lý và các lực lượng giáo dục đến hoạt động phòng, tránh TNTT trong nhà trường mầm non nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu các TNTT cho trẻ, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mẫu giáo trong trường mầm non. Như vậy, có thể nói quản lý phòng, tránh TNTT là một trong những công việc của người cán bộ quản lý, là đối tượng quản lý trong nhà trường. Quản lý của CBQL trường mầm non đối với hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo trong trường mầm non bao gồm: quản lý mục tiêu; quản lý nội dung; quản lý hình thức; quản lý các lực lượng và quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo.

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế

3.2.1. Quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non

Mục tiêu được hiểu là kết quả, là sản phẩm mong đợi của quá trình hoạt động. Quản lý thực hiện mục tiêu phòng, tránh TNTT cho trẻ là nhiệm vụ của hiệu trưởng trường mầm non trong việc xác định hướng đi của hoạt động này. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ ở các trường mầm non huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được chúng tôi tổng hợp ở bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ

STT	Quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Khảo sát, đánh giá thực trạng các điều kiện của nhà trường, từ đó xây dựng mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,95	0,63	3,51	0,64
2	Mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ được xác định cụ thể, định hướng hành động rõ ràng, mang tính khả thi.	3,99	0,71	3,56	0,53
3	Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ tới toàn thể GV, NV của nhà trường.	3,92	0,74	3,75	0,68
4	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,37	0,66	3,13	0,65
5	Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ theo mục tiêu đề ra.	3,90	0,72	3,17	0,71
ĐTB chung		3,83	0,69	3,42	0,64

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát thống kê ở bảng số liệu 1 có thể thấy, việc quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ đã được các trường mầm non trên địa bàn huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện ở mức độ “thường xuyên” nhưng hiệu quả đạt được chưa cao, chỉ ở độ “Khá tốt”. ĐTB chung đánh giá của CBQL, GV ở 2 khía cạnh này lần lượt là (3,83) và (3,42). Trong các nội dung quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ, CBQL, GV đánh giá cao nhất việc “Mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ được xác định cụ thể, định hướng hành động rõ ràng, mang tính khả thi”, ĐTB là 3,99 và công tác “Khảo sát, đánh giá thực trạng các điều kiện của nhà trường, từ đó xây dựng mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ”, ĐTB là (3,95).

Công tác “Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ tới toàn thể GV, NV của nhà trường”; “Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ theo mục tiêu đề ra” cũng có ĐTB đánh giá 2 tiêu chí này là (3,92) và (3,90).

Việc “Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” được đánh giá mức độ thực hiện thấp nhất, ĐTB là (3,37); ứng với mức độ “thỉnh thoảng”. Nguyên nhân của thực trạng này được cô giáo H.T.A.N, trường mầm non Hoa Đỗ Quyên chia sẻ: “Quy trình kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ ở trường mầm non vẫn còn một số tồn tại, bất cập cần quan tâm và giải quyết. Các bất cập đó như: các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm tra, đánh giá hoạt động; sự phân quyền trong công tác kiểm tra còn hạn chế; các hoạt động sau kiểm tra ít được chú trọng;...”.

Xét về mức độ hiệu quả, nhìn chung kết quả đạt được của nội dung quản lý mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ đạt ở mức độ “khá tốt”. Trong đó, nội dung có kết quả đánh giá cao hơn hẳn so với các nội dung còn lại là “Tổ chức, triển khai quán triệt mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ tới toàn thể GV, NV của nhà trường”, ĐTB = (3,75). Hai nội dung có ĐTB đánh giá thấp nhất là “Chỉ đạo điều chỉnh hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ theo mục tiêu đề ra” và “Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện mục tiêu hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ”.

Nhìn chung, CBQL các trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu đã quan tâm thực hiện việc xác định, quán triệt mục tiêu hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ trong nhà trường, kết quả đem lại khá tốt. Tuy nhiên, để hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ trong trường mầm non được hiệu quả hơn, tạo ra một môi trường cho trẻ vui chơi và học tập, CBQL nhà trường cần tìm kiếm những biện pháp quản lý việc thực hiện mục tiêu có tính khả thi hơn. Bởi vì, nội dung quản lý này tiền đề quan trọng để thực hiện hiệu quả hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ trong trường mầm non.

3.3.2. Quản lý nội dung hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non

Hiệu trưởng là người có trách nhiệm cao nhất khi triển khai thực hiện hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ ở trường mình quản lý. Do vậy, người hiệu trưởng muốn thực hiện tốt hoạt động này cần quan tâm đến công tác quản lý các nội dung của nó. Kết quả khảo sát thực trạng quản lý nội dung hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được trình bày ở bảng số liệu 2.

Bảng 2. Thực trạng quản lý nội dung hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ

STT	Quản lý nội dung hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Thường xuyên rà soát, kiểm tra chất lượng công trình, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện, dụng cụ máy móc phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.	4,05	0,73	3,61	0,64
2	Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV trong cơ sở giáo dục mầm non, gia đình và cộng đồng về xây dựng môi trường giáo dục an toàn.	4,24	0,67	4,05	0,66
3	Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho CBQL, GV, NV về phòng, tránh TNTT cho trẻ.	3,59	0,72	3,14	0,63
4	Lồng ghép giáo dục trẻ em kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân, phòng tránh TNTT trong các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cơ sở giáo dục mầm non.	3,35	0,72	3,00	0,63
5	Trang bị đồ chơi, tài liệu, học liệu giáo dục về bảo đảm an toàn cho trẻ em.	4,04	0,73	3,79	0,63
ĐTB chung		3,85	0,71	3,52	0,64

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát cho thấy, công tác quản lý nội dung hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ tại các trường mầm non được CBQL, GV đánh giá mức độ thực hiện ở mức “thường xuyên” với ĐTB = 3,85; trong khi hiệu quả đạt được được đánh giá ở mức “khá tốt”, ĐTB = 3,52. Như vậy, giữa mức độ thực hiện và hiệu quả đạt được chưa có sự tương xứng. Điều này đòi hỏi CBQL các nhà trường cần tăng cường các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện hoạt động phòng, tránh TNTT.

Xét riêng từng nội dung quản lý, nội dung được đánh giá có mức độ thực hiện cao nhất là “Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV trong cơ sở giáo dục mầm non, gia đình và cộng đồng về xây dựng môi trường giáo dục an toàn” với ĐTB = 4,24. Tiếp theo là các nội dung: “Thường xuyên rà soát, kiểm tra chất lượng công trình...” (ĐTB = 4,05) và “Trang bị đồ chơi, tài liệu, học liệu giáo dục về bảo đảm an toàn cho trẻ em” (ĐTB = 4,04). Hai nội dung ít được thực hiện nhất là “Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ...” (ĐTB = 3,59) và “Lồng ghép giáo dục trẻ em kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân...” (ĐTB = 3,35). Như vậy, để nâng cao chất lượng hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ, CBQL các nhà trường cần có giải pháp để tổ chức thực hiện thường xuyên và hiệu quả hơn hai nội dung nêu trên.

Kết quả nghiên cứu từ phương pháp phỏng vấn sâu cũng cho thấy sự tương đồng với kết quả khảo sát định lượng. Đa số CBQL, GV cho rằng việc lồng ghép giáo dục kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân cho trẻ trong các hoạt động chăm sóc, giáo dục hiện nay chưa được chú trọng đúng mức.

Về mức độ hiệu quả của công tác quản lý, nhìn chung các nội dung đều đạt mức “khá tốt”. Trong đó, nội dung đạt hiệu quả cao nhất là “Nâng cao nhận thức của CBQL, GV, NV...” với ĐTB = 4,05, nhưng vẫn chỉ dừng lại ở mức “khá tốt”. Nội dung có kết quả thực hiện thấp nhất là “Lồng ghép giáo dục trẻ em kiến thức, kỹ năng tự bảo vệ bản thân...” với ĐTB = 3,00. Do vậy, chủ thể quản lý cần đặc biệt quan tâm hơn đến việc nâng cao hiệu quả thực hiện nội dung này trong thời gian tới.

3.2.3. Quản lý các hình thức tổ chức hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non

Bảng 3. Thực trạng quản lý hình thức hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ

STT	Quản lý hình thức hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức các điều kiện lớp học, thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo an toàn cho trẻ.	3,65	0,73	3,24	0,69
2	Chỉ đạo GV, NV thực hiện nghiêm túc quy trình chế biến bếp ăn một chiều.	3,47	0,71	3,27	0,60
3	Tổ chức các hoạt động theo dõi sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho trẻ.	3,53	0,74	3,54	0,76
4	Tổ chức vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ.	3,41	0,62	2,92	0,79
5	Chỉ đạo GV, NV kiểm tra, báo cáo đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đảm bảo an toàn ở lớp mình phụ trách.	3,96	0,65	3,60	0,82
ĐTB chung		3,60	0,69	3,31	0,73

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát được trình bày trong bảng 3 cho thấy, mức độ thực hiện việc quản lý hình thức tổ chức hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ được CBQL, GV đánh giá đạt ở mức “thường xuyên”, với ĐTB là (3,60). Trong đó được thực hiện thường xuyên nhất là tiêu chí “Chỉ đạo GV, NV kiểm tra, báo cáo đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đảm bảo an toàn ở lớp mình phụ trách”, ĐTB = (3,96). Các tiêu chí còn lại được đánh giá với ĐTB mức độ thực hiện từ (3,41) đến (3,65), gồm: “Tổ chức các điều kiện lớp học, thiết bị, cơ sở vật chất đảm bảo an toàn cho trẻ”; “Tổ chức các hoạt động theo dõi sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho trẻ”; “Chỉ đạo GV, NV thực hiện nghiêm túc quy trình chế biến bếp ăn một chiều” và “Tổ chức vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ”. Kết quả này có thể khẳng định rằng, các nhà trường đã tiến hành các hình thức phòng, tránh TNTT cho trẻ khá đa dạng, phù hợp với đặc điểm hoạt động của trẻ và điều kiện của các trường mầm non.

Kết quả thực hiện việc quản lý hình thức hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ được CBQL, GV đánh giá ở mức “trung bình”, ĐTB = (3,31). Trong đó “Tổ chức các hoạt động theo dõi sức khỏe định kỳ, khám sức khỏe và phòng chống dịch bệnh cho trẻ” và “Chỉ đạo GV, NV kiểm tra, báo cáo đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, cơ sở vật chất chưa đảm bảo an toàn ở lớp mình phụ trách” là 2 tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện cao nhất, ở mức “khá hiệu quả”, ĐTB là (3,60) và (3,54). “Tổ chức vệ sinh môi trường, đảm bảo vệ sinh và an toàn cho trẻ” là tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất, ĐTB = (2,92). Điều này đòi hỏi đội ngũ CBQL cần có những biện pháp cụ thể, quyết liệt hơn trong việc chỉ đạo việc xây dựng môi trường đảm bảo vệ sinh, an toàn nhằm phòng, tránh TNTT cho trẻ.

3.2.4. Quản lý các lực lượng tham gia hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non

Bảng 4. Thực trạng quản lý các lực lượng tham gia hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ

STT	Quản lý các lực lượng tham gia hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	4,02	0,62	3,47	0,65
2	Tổ chức lực lượng tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,73	0,64	3,96	0,60
3	Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	4,08	0,73	3,69	0,63
4	Kiểm tra, đánh giá việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,85	0,64	3,39	0,73
5	Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,59	0,62	3,14	0,64
ĐTB chung		3,85	0,65	3,53	0,65

**Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn*

Thông qua số liệu ở bảng 4 có thể nhận định, các trường đã quan tâm, chú trọng đến các lực lượng tham gia hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ với ĐTB đánh giá chung của CBQL, GV là 3,85, ứng với mức độ “thường xuyên” thực hiện. Được đánh giá mức độ thực hiện cao nhất là tiêu chí “Triển khai, chỉ đạo việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ”, ĐTB = (4,08). Như vậy, để quản lý tốt các lực lượng tham gia vào công tác phòng, tránh TNTT cho trẻ, nhà trường cần chú trọng khâu tổ chức, triển khai việc phối hợp các lực lượng. Việc “Lập kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” được đánh giá mức độ thực hiện có ĐTB = (4,02). Bên cạnh đó, công tác “Kiểm tra, đánh giá việc phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” cũng được các nhà trường chú ý với ĐTB = (3,85). “Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” là tiêu chí có ĐTB đánh giá thấp nhất, ĐTB = (3,59). Điều đó chứng tỏ rằng nhà trường chưa có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng bộ phận. Trong quá trình thực hiện, nhà trường chưa thực sự chú ý điều chỉnh nhiệm vụ đối với từng bộ phận để công tác quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ càng ngày có hiệu quả hơn.

Về mức độ hiệu quả, nhìn chung kết quả đạt được của nội dung quản lý các lực lượng tham gia hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ ở mức “khá hiệu quả”, ĐTB = (3,53). Trong đó “Tổ chức lực lượng tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” là tiêu chí đạt được kết quả cao nhất, ĐTB = (3,69) và “Chỉ đạo điều chỉnh nhiệm vụ phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường tham gia hoạt động phòng tránh TNTT cho trẻ” là nội dung đạt kết quả thấp nhất, ĐTB = (3,14).

3.2.5. Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh tai nạn thương tích cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non

Bảng 5. Thực trạng quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ

STT	Quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở các trường mầm non	Mức độ thực hiện		Mức độ hiệu quả	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Tổ chức xây dựng hệ thống phòng, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục và đảm bảo phòng tránh TNTT cho trẻ.	3,82	0,62	4,09	0,78
2	Trang bị và bổ sung thường xuyên trang thiết bị nuôi, dạy và phục vụ cho các phòng ban hoạt động.	3,50	0,63	3,48	0,67
3	Tổ chức sử dụng thích hợp, có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.	3,12	0,63	3,44	0,76
4	Tổ chức bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị.	3,69	0,65	3,69	0,61
5	Huy động đóng góp của xã hội về các nguồn lực thực hiện hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ.	3,47	0,72	3,24	0,64
ĐTB chung		3,52	0,65	3,59	0,69

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 5 cho thấy, các trường mầm non trên địa bàn nghiên cứu đã thực hiện nội dung quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ đạt ở mức độ “thường xuyên”, ĐTB = (3,52). Trong số 5 tiêu chí xem xét thuộc nội dung quản lý này, ĐTB đánh giá của CBQL, GV có sự chênh lệch lớn, dao động từ (3,12 đến 3,82). Tiêu chí “Tổ chức xây dựng hệ thống phòng, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục và đảm bảo phòng tránh TNTT cho trẻ” có mức độ thực hiện thường xuyên nhất, ĐTB = (3,82). Tiếp đến là các tiêu chí “Tổ chức bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị”, ĐTB = (3,69); “Trang bị và bổ sung thường xuyên trang thiết bị nuôi, dạy và phục vụ cho các phòng ban hoạt động”, ĐTB = (3,50);...

Kết quả đạt được của việc quản lý các điều kiện hỗ trợ hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ ở mức khá hiệu quả, ĐTB = (3,59). Đây là nội dung duy nhất trong 5 nội dung của công tác quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ có ĐTB mức độ hiệu quả cao hơn mức độ thực hiện. Trong đó “Tổ chức xây dựng hệ thống phòng, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu chăm sóc giáo dục và đảm bảo phòng tránh TNTT cho trẻ” là tiêu chí được đánh giá mức độ hiệu quả cao nhất, ĐTB = (4,09). “Huy động đóng góp của xã hội về các nguồn lực thực hiện hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ” là tiêu chí được đánh giá có kết quả thực hiện thấp nhất trong số các tiêu chí thuộc nội dung quản lý này, ĐTB = (3,24).

Tóm lại, để làm tốt mặt công tác phòng, tránh TNTT cho trẻ ở các trường mầm non, CBQL các nhà trường phải quản lý tốt các điều kiện hỗ trợ: quản lý CSVC, xây dựng và bổ sung thường xuyên để hình thành một hệ thống hoàn chỉnh CSVC. Duy trì, bảo quản CSVC và thiết bị của từng nhóm lớp và của toàn trường theo một cơ chế quản lý khoa học để đem lại hiệu quả.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, đội ngũ CBQL, GV và NV ở các trường mầm non huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế phần lớn đã đưa ra các nhận định và đánh giá về hiệu quả của công tác quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo. Hiệu quả của quản lý hoạt động phòng, tránh TNTT có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo được sự an toàn, đảm bảo được tính mạng cho trẻ mẫu giáo. Từ đó, giúp cho các trường mầm non xây dựng được môi trường giáo dục an toàn, đồng thời hướng đến nâng cao nhận thức cho GV, NV và cha mẹ trẻ về phòng, tránh TNTT. Đặc biệt hình thành cho trẻ mẫu giáo được ý thức và các kỹ năng nhận diện và phòng, tránh tai nạn cho bản thân. Chính vì vậy để hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo thì các trường mầm non cần tập trung vào các biện pháp sau: Tổ chức nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ, GV và cha mẹ trẻ về tầm quan trọng của hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo; Tăng cường đổi mới nội dung hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; Chỉ đạo đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; chú trọng phối hợp các lực lượng tham gia vào hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non; Tổ chức đảm bảo các điều kiện hỗ trợ cho hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo; Chú trọng kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động phòng, tránh TNTT cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bhamkar, R., Seth, B., & Setia, M. S. (2016). Profile and risk factor analysis of unintentional injuries in children. *Indian Journal of Pediatrics*.

- Đào, T. M. T. (2014). Một số biện pháp đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non. *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (57).
- Nguyễn, T. A. (2006). *Tai nạn thương tích trẻ em: Thực trạng và giải pháp*. Trong *Báo cáo Hội nghị khoa học quốc tế về phòng tránh tai nạn thương tích, xây dựng cộng đồng an toàn*. Hà Nội: Nhà xuất bản Y học.
- Peden, M., Oyegbite, K., Ozanne-Smith, J., Hyder, A. A., Rahman, A. K. M. F., Rivara, F., & Bartolomeos, K. (2008). *Báo cáo thế giới về phòng tránh tai nạn thương tích trẻ em*. Geneva, Switzerland: World Health Organization.
- UNICEF. (2009). *Xây dựng môi trường bảo vệ trẻ em Việt Nam: Đánh giá pháp luật và chính sách bảo vệ trẻ em, đặc biệt là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin.

Current status of managing accidents and injuries prevention activities for preschoolers in kindergartens in Nam Dong district, Thua Thien Hue province

Ngô Thị Hạnh

Thuong Long Kindergarten, Nam Dong District, Thua Thien Hue Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 22 October 2023

Received in revised form: 12 November 2023

Accepted: 18 November 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Accidents and injuries;

Prevention;

Activities;

Preschools.

Corresponding author:

Ngô Thị Hạnh

E-mail address:

ngothihanhmmtl@gmail.com

ABSTRACT

The article aims to assess the current status of management of accidents and injuries prevention activities for preschoolers in kindergartens in Nam Dong District, Thua Thien Hue Province. We conducted a survey to collect opinions from 15 managers and 139 teachers and staff. The survey results show that the management of activities to prevent accidents and injuries has been implemented by preschools. However, in the implementation process, there have not been really high results in implementing the goals, content, organizational forms as well as coordinating participating forces.